

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2019

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thu

2. Ông Đoàn Trung Tuyển

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1994

Địa chỉ: xóm 17, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Trần Văn D; sinh năm 1990.

Địa chỉ: xóm 27, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: có mặt chị c, anh anh D vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/6/2019, bản tự khai ngày 25/6/2019 và tại phiên tòa chị Trần Thị C nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Trần Văn D tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2016. Trong quá trình chung sống chị phát hiện anh D nghiện ma túy, chị khuyên bảo nhiều nhưng anh D không thay đổi. Hơn nữa anh D chỉ chơi bời

không chịu lao động, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Tú A sinh ngày 28/8/2016 vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là nhận nuôi con đến tuổi trưởng thành lao động tự lập được và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc với anh Trần Văn D, anh D đã trình bày: Anh và chị Trần Thị C tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Giao T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bạn bè rủ rê anh có nghiện ma túy nhưng anh đã cai được, đến cuối năm 2018 thì chị C bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị C có đơn ly hôn anh nhận thấy tình cảm vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì anh theo đạo công giáo, mà luật công giáo không được phép ly hôn lên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng anh có một con chung là Trần Tú A sinh ngày 28/8/2016 nếu chị C nhất quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh không có tài sản chung gì. Anh đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án giải quyết vụ án vì anh theo luật công giáo không được phép ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết đơn ly hôn của chị C theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị C và anh Trần Văn D Về con chung: Giao chị C trực tiếp nuôi con chung là Trần Tú Anh, sinh ngày 28/8/2018, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội D nguyên đơn chị Trần Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Trần Văn D; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 27, xã Giao T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Anh Trần Văn D (là bị đơn) đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn D tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao T, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh D nghiện ma túy, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết càng thể hiện anh D không thiết tha đoàn tụ gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh D đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị C xin ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Tú A sinh ngày 28/8/2016. Chị C có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện hiện tại của chị C và anh D cho thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Trần Tú A do chị C trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị C tiếp tục nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, về cấp dưỡng nuôi con chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruồng khoán của hợp tác xã: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị C trực tiếp nuôi con chung là Trần Tú A sinh ngày 28/8/2016, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị c đã nộp tại biên lai thu số 0000456 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (chị c đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ông Ngọc Lễ

